

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2025

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

- Tên cơ sở đào tạo: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh
Tên tiếng Anh: Pasteur Institute In Ho Chi Minh City (PIHCM)
- Mã trường: V26 (HEMIS)
- Địa chỉ các trụ sở: Số 167 Pasteur, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://www.pasteurhcm.gov.vn>
- Địa chỉ trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
<https://www.facebook.com/share/19c8jhQa2y/?mibextid=wwXIfr>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0915447247 (ThS. Hồ Xuân Nguyên), 0964593439
(BS. Phạm Thị Thanh Ngân)
- Tình hình việc làm của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp:
Các nghiên cứu sinh đều là cán bộ đang công tác tại các đơn vị y tế trực thuộc Trung ương, Thành phố hoặc các trường Đại học, bệnh viện.
- Thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất
Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:
Năm 2023: <http://training.pasteurhcm.gov.vn/program/dao-tao-tien-si-1/thoi-gian-nhan-ho-so-tuyen-sinh-39.html>
Năm 2024: không thực hiện tuyển sinh
- 8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Kết hợp xét tuyển hồ sơ và đánh giá đề cương nghiên cứu
- 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất: không tuyển nghiên cứu sinh
 - Năm 2023: không có ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển
 - Năm 2024: không thực hiện tuyển sinh

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Dịch tễ học	9720117	2391/QĐ-BGDĐT	08/7/2015	1203/QĐ-BGDĐT	29/3/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	2016	2020

10. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

10.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

10.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng:

Bảng 1: Cơ sở hạ tầng của Viện

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)
1.	Diện tích khuôn viên	22.164
2.	Diện tích sàn sử dụng	16.187
3.	Diện tích 02 giảng đường	44 và 88
4.	Diện tích văn phòng Bộ môn	14
5.	Diện tích Hội trường lớn phục vụ hội nghị, hội thảo	500
6.	Phòng bảo vệ luận án	115
7.	Thư viện	117

10.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:

Bảng 2: Cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu phục vụ cho đào tạo

TT	Nội dung	Số lượng
1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1
2.	Phòng học từ 100-200 chỗ	0
3.	Phòng học trên 50 chỗ	1

4.	Phòng học dưới 50 chỗ	1
5.	Thư viện	1
6.	Số phòng học đa phương tiện	1
7.	Trung tâm đáp ứng khẩn cấp sự kiện y tế công cộng	1
8.	Số phòng thí nghiệm/ cơ sở nghiên cứu	25
9.	Học liệu trong thư viện	5000 cuốn

Ngoài ra, Viện có hệ thống phòng xét nghiệm chuyên sâu, phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh cũng như đào tạo với đầy đủ các trang thiết bị để thực hiện các kỹ thuật từ nhuộm soi, nuôi cấy phân lập, huyết thanh học cho đến các kỹ thuật sinh học phân tử.

Bảng 3: Danh sách phòng thí nghiệm

TT	Tên phòng thí nghiệm	Số lượng
1.	Phòng xét nghiệm quốc gia về sởi-rubella, viêm não Nhật Bản, bại liệt, HIV kháng thuốc	04
2.	Trung tâm cúm quốc gia (WHO-NIC)	01
3.	Phòng xét nghiệm tham chiếu Quốc gia về HIV/AIDS	01
4.	Phòng xét nghiệm quốc gia viêm màng não vi khuẩn	01
5.	Phòng xét nghiệm về vi rút đường ruột, sinh học phân tử, vi rút hô hấp, HIV/AIDS, vi sinh bệnh phẩm, sinh hóa-huyết học-miễn dịch	08
6.	Phòng xét nghiệm về vi sinh thực phẩm, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm.	08
7.	Phòng an toàn sinh học cấp 3 (ABSL-3 và BSL-3)	02
8.	Phòng thực hành xét nghiệm tại Trung tâm Đào tạo	01

Bảng 4: Trang thiết bị phục vụ đào tạo

TT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG
1	Máy tính để bàn
2	Máy xách tay
3	Máy photocopy
4	Máy in

5	Máy fax
6	Máy scan
7	Máy ghi âm
8	Máy ảnh
9	Máy chiếu
TT	THIẾT BỊ CHUYÊN MÔN
1	Máy ly tâm máu
2	Tủ ấm CO ₂ , dung tích ≥ 170 lít
3	Bể ủ - lắ
4	Cân điện tử chính xác, 2 số lẻ
5	Tủ lạnh lưu trữ mẫu chuyên dụng, nhiệt độ $\geq 2^{\circ}\text{C}$ đến $\leq 14^{\circ}\text{C}$, dung tích 489 L
6	Máy ly tâm lạnh ≥ 14.000 vòng/phút.
7	Tủ thao tác PCR
8	Máy ly tâm loại nhỏ ≥ 5500 vòng/phút
9	Buồng điện di
10	Máy đọc gel (máy chụp ảnh gel điện di)
11	Lò vi sóng, dung tích 27 lít
12	Máy PCR tốc độ cao có chức năng gradient 2D
13	Kính hiển vi sinh học 2 mắt
14	Kính hiển vi sinh học 2 mắt
15	Kính hiển vi sinh học 2 mắt
16	Kính hiển vi sinh học 1 mắt
TT	THIẾT BỊ CHUYÊN MÔN
17	Nồi hấp tiệt trùng tự động, buồng hấp dạng đứng, dung tích ≥ 65 lít
18	Pipette vi lượng P10
	Pipette vi lượng P20
	Pipette vi lượng P100
	Pipette vi lượng P200
	Pipette vi lượng P1000

19	Tủ lạnh lưu trữ mẫu chuyên dụng -20°C, dung tích 480 lít
20	Tủ ấm 37 độ
21	Tủ An toàn sinh học

10.2. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo

10.2.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã triển khai

Công tác nghiên cứu khoa học là khâu then chốt, xuyên suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm mục đích giải quyết tận gốc những dịch bệnh nguy hiểm. Trong suốt quá trình thành lập và phát triển đến nay, Viện đã thực hiện hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó có nhiều đề tài trọng điểm cấp Nhà nước. Nhiều công trình đã được đăng tải trên các tạp chí khoa học và công nghệ có uy tín trong và ngoài nước giành được những giải thưởng cao về khoa học và kỹ thuật, bằng độc quyền sáng chế. Các kết quả nghiên cứu khoa học của Viện đã được đưa vào hoạch định chính sách y tế, xã hội của Đảng và Nhà nước ta, đã trở thành những tiêu chí, chỉ tiêu pháp lệnh quốc gia. Các đề tài cấp Quốc gia/cấp Bộ/tỉnh tiêu biểu bao gồm:

Xây dựng hệ thống giám sát dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm chủ yếu, đề tài cấp Quốc gia, mã số KHCN.11.03

1990-1991: Tham gia đề tài: Phát hiện sự phân bố của bệnh sốt xuất huyết Dengue và viêm não Nhật Bản theo phân vùng địa lý đặc trưng trên cơ sở điều tra các mối liên quan về tần số mắc bệnh, dịch tễ huyết thanh học với sự biến động số lượng của vec-tơ truyền bệnh này. Chương trình Cấp Quốc gia 64B-04-01 (1990), nghiệm thu xuất sắc (12/3/1991).

Tham gia đề tài: Xây dựng bản đồ dịch tễ quần sự lãnh thổ một số bệnh trọng điểm: tả, dịch hạch, sốt Dengue và viêm não Nhật Bản. Chương trình Cấp Quốc gia 66A-01-03 (1990), nghiệm thu xuất sắc (12/4/1991).

2001-2004: Đề tài Cấp Quốc gia KC.10.11 Nghiên cứu biện pháp can thiệp chủ động, tích cực đối với bệnh tả, lỵ, thương hàn ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long (2001-2004).

2006-2009: Nghiên cứu quy trình sản xuất vắc xin cúm A/H5N1 bất hoạt dùng cho người bằng kỹ thuật nuôi cấy trên tế bào Vero và trên trứng gà có phôi (2006-2009)

2009-2011: Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và vi rút học của cúm A/H1N1 đại dịch 2009 ở các tỉnh Nam bộ - Đề xuất các giải pháp phòng chống dịch (2009-2011), mã số: 57/2009/HĐ-ĐTĐL (nghiệm thu xuất sắc 7/2012) và Nghiên cứu chế tạo kit chẩn đoán vi rút cúm A/H1N1 bằng kỹ thuật RT-PCR

2016-2019: Tham gia Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, gánh nặng bệnh tật liên quan đến nhiễm HPV ở Việt Nam – Đề tài hợp tác song phương Việt Nam – Vương Quốc Anh, mã số: HNQT/SPĐP/03.16 (nghiệm thu 7/2021)

2017-2018: Nghiên cứu biện pháp diệt lăng quăng phát triển thành muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết trong hệ thống hồ ga thoát nước tại thành phố Vũng Tàu, Đề tài cấp Sở KHCN (nghiệm thu 2019)

2020: Nghiên cứu Chế tạo và thẩm định chứng dương nhân tạo và đoạn môi chẩn đoán tác nhân gây viêm đường hô hấp cấp cho chủng mới corona, mã số: ĐTDLCN.32/20 (nghiệm thu 1/2022)

2018-2023: Nghiên cứu tình trạng nhiễm HBV ở trẻ em sinh ra từ mẹ có HBV và các yếu tố liên quan đến khoảng trống miễn dịch ở các đối tượng này (nghiệm thu 6/2024)

2020-7/2021: Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học và vi rút học bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng vi rút corona mới 2019 (Covid-19) tại Việt Nam, mã số: ĐTDLCN.32/20 (nghiệm thu 1/2022)

2025-2028: Nghiên cứu “Xác định đặc điểm dịch tễ học, yếu tố nguy cơ, lâm sàng, sinh học phân tử chủng vi rút đậu mùa khỉ và đề xuất các biện pháp phòng chống đậu mùa khỉ tại Việt Nam”.

Trong giai đoạn 2019-2024, Viện đã thực hiện và nghiệm thu 02 đề tài cấp Nhà nước, 20 đề tài cấp Bộ/cấp tỉnh/thành phố, đề tài nhánh của đề tài cấp Nhà nước hoặc TNLS, hơn nhiều đề tài cấp cơ sở và hợp tác quốc tế. Các giảng viên, nhà khoa học của Viện đã đăng tổng cộng 272 bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí trong đó gồm 128 bài báo được đăng tải trên các tạp chí quốc tế và 144 bài báo được đăng tải trên các tạp chí trong nước. Số lượng bài báo quốc tế trung bình 21 bài/năm. Số bài báo quốc tế của Viện gia tăng gấp 2 lần so với 5 năm trước (2013-2018: 128 so với 65 bài) và chiếm 2/3 tổng số bài báo quốc tế cả giai đoạn 10 năm (2015-2024), trong số này 37% bài báo có cán bộ khoa học Viện đứng tên là tác giả chính. Viện đã công bố công trình nghiên cứu quan trọng về

vắc xin phòng EV71 trên tạp chí danh tiếng *The Lancet* với vai trò tác giả đầu tiên, mở ra hướng phòng bệnh và giải quyết bệnh lưu hành cao tại Việt Nam, sự lây truyền từ người sang người của SARS-CoV-2 trên tạp chí *New England Journal of Medicine* trong giai đoạn khởi đầu của đại dịch COVID-19 vào cuối tháng 01/2020.

Sau hơn 135 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, Viện đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Bộ Y tế giao cho là nghiên cứu và đề xuất hệ thống quản lý, chỉ đạo tuyến về chuyên môn, xây dựng các chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống bệnh tật, giám sát, phát hiện sớm và đáp ứng nhanh, và đưa ra các biện pháp phòng chống hiệu quả đối với các bệnh truyền nhiễm, đóng góp vào sự nghiệp nâng cao và bảo vệ sức khỏe nhân dân Việt Nam.

10.2.2. Hợp tác quốc tế, trong nước về hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh trong nhiều năm qua với bề dày kinh nghiệm về hợp tác quốc tế trong nhiều lĩnh vực như nghiên cứu, phòng chống dịch, chuyển giao công nghệ và đào tạo nâng cao năng lực. Viện hợp tác nghiên cứu trong mạng lưới Viện Pasteur thế giới, WHO/US.CDC/JICA, với các Viện/Đại học uy tín thế giới (Châu Á: Viện Truyền nhiễm quốc gia Nhật Bản, Đại học Nagasaki (Nhật Bản), Đại học Quốc gia Singapore, Đại học Thanh hoa – Đài Loan; Châu Mỹ: Đại học Colorado, Đại học UCLA, Đại học Utah (Hoa Kỳ); Châu Đại dương: Đại học Monash, Đại học Melbourne, Đại học Queensland, Đại học UNSW (Úc); Châu Âu: Viện Pasteur Paris, Đại học TP. Paris, Đại học Hoàng gia London (UCL), Đại học Vệ sinh và Y học Nhiệt đới London, Viện Y học Mở - Áo) và các công ty, tổ chức nghiên cứu (Tổ chức IDDS, PATH, Công ty Sanofi Pasteur, Công ty GSK, Công ty MSD, Công ty Medigen- Đài Loan ...).

Trong lĩnh vực đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, Viện đã có những hợp tác chính thức với một số trường Đại học của các nước trong việc đào tạo tiến sĩ, sau tiến sĩ và các khoá đào tạo ngắn hạn cho các cán bộ của Viện. Các Trường đại học, bệnh viện hợp tác với viện bao gồm Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Nguyễn Tất Thành, Đại học Văn Lang, Đại học Quốc tế Hồng Bàng, Khoa Y - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thủ Dầu Một, Bệnh viện 30-4, Bệnh viện Quân y 175... Thông qua các chương trình hợp tác đào tạo này trong nhiều năm, Viện đã có đội ngũ cán bộ trình độ và chất lượng cao, không những đóng góp trong công tác phòng chống dịch, nghiên cứu khoa

học mà những cán bộ này còn là những giảng viên nòng cốt cho chương trình đào tạo nghiên cứu sinh của Viện. Trong những năm tới, Viện vẫn tiếp tục hợp tác với những đối tác trên và mở rộng thêm các đối tác cũng như đối tượng cán bộ không chỉ trong Viện mà còn cho cả hệ thống và ngành y tế, đặc biệt góp phần nâng cao chất lượng cán bộ y tế công cộng và y học dự phòng.

10.3. Danh sách cán bộ tham gia Bộ môn.

TT	Giảng viên	GS.TS/ GS. TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS
Bộ môn Dịch tễ học				
1.	Nguyễn Vũ Thượng		X	
2.	Trần Ngọc Hữu		X	
3.	Phạm Duy Quang		X	
4.	Trần Phúc Hậu			X
5.	Nguyễn Minh Ngọc			X
6.	Nguyễn Thanh Vũ			X

II. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Thông tin ngành đào tạo Dịch tễ học

Tên ngành đào tạo: Dịch tễ học

Mã số ngành đào tạo: 9720117

Tên chương trình đào tạo:

+ Tên tiếng Việt:

Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ

Ngành Dịch tễ học

+ Tên tiếng Anh:

The Doctoral Program in Epidemiology

Trình độ đào tạo:

Tiến sĩ

Thời gian đào tạo:

3-4 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt:

Bằng: Tiến sĩ

Ngành: Dịch tễ học

+ Tên tiếng Anh:

Doctor of Philosophy in Epidemiology

Đơn vị được giao nhiệm vụ:	Bộ môn Dịch tễ học, Trung tâm Đào tạo, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu tối thiểu:	94-124
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt

2. Nội dung cụ thể của đề án

2.1 Đối tượng tuyển sinh:

- Người dự tuyển chỉ được tham gia xét tuyển khi có bằng đại học thuộc nhóm ngành Y học trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học ban hành tại Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; và
- Người dự tuyển tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ Quốc gia (bác sĩ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú) ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ; hoặc
- Người dự tuyển tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ Quốc gia (bác sĩ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú) ngành phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ; hoặc.
- Người dự tuyển tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành đúng/ngành phù hợp (thuộc cùng nhóm ngành) với ngành đào tạo tiến sĩ. (Phụ lục 1)

2.2 Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc.

2.3 Phương thức tuyển sinh: Kết hợp xét tuyển hồ sơ và đánh giá đề cương nghiên cứu, năng lực của người dự tuyển.

2.4 Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Nhóm ngành/ Ngành	Mã số	Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh
1	Y học/ Dịch tễ học	9720117	03
Tổng chỉ tiêu			03

2.5 Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Hồ sơ đầy đủ theo hướng dẫn trong Thông báo tuyển sinh

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: thí sinh trúng tuyển phải đạt các điều kiện sau:
 - + Điểm phần 1 (điểm đánh giá hồ sơ: 30 điểm) tối thiểu đạt 15 điểm, các mục thành phần đều có điểm (không có mục nào điểm 0)
 - + Điểm phần 2 (điểm đánh giá đề cương và năng lực của người dự tuyển: 70 điểm) tối thiểu đạt 35 điểm
 - Xét trúng tuyển
 - + Xếp thứ tự tổng điểm phần 1 và phần 2 từ cao xuống thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu của ngành. Sau khi tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển đợt 1, Hội đồng tuyển sinh sẽ công bố chỉ tiêu còn lại tuyển sinh đợt 2 theo ngành trước khi tổ chức xét tuyển.
 - + Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm phần 2 cao hơn; 2. Điểm công trình khoa học công bố và thành tích tham gia đề tài nghiên cứu cao hơn.
- 2.6 *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...*
- Mã trường: V26
 - Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Khuyến khích các thí sinh có nhiều minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, giải thưởng khoa học công nghệ các cấp
- 2.7 *Tổ chức tuyển sinh:*
- 2.7.1. Thời gian; hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển/thi tuyển:
- Thời gian nhận hồ sơ: Tháng 8-9/2025
 - Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: trực tiếp
 - Thời gian xét tuyển: tháng 9-10/2025
 - Nếu còn chỉ tiêu sẽ tuyển sinh đợt 2 từ tháng 10/2025
- 2.7.2. Điều kiện xét tuyển:
- Đạt đủ điều kiện tối thiểu 02 năm (24 tháng) thời gian công tác trong nhóm ngành Y học tính đến ngày xét tuyển với thư giới thiệu của 02 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ, hiểu rõ về người dự tuyển và

am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu, hoặc công tác trong ngành, chuyên ngành của người dự tuyển. Riêng người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành đúng/ngành phù hợp có thể tham gia dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua một trong các bằng chứng: i) thực hiện luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu; ii) bài báo đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành khoa học sức khỏe trong nước/quốc tế uy tín (quy định bởi Hội đồng Giáo sư Nhà nước hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ) hoặc báo cáo nghiên cứu khoa học đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) hội nghị có phản biện, chủ biên và có chỉ số ISBN trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; iii) có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.
- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.
- Về tiêu chuẩn ngoại ngữ, người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:
 - + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.
 - + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.
 - + Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố còn hiệu lực 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển. (Danh mục minh chứng năng lực ngoại ngữ xem phụ lục 2 đính kèm).
 - + Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài còn hạn theo quy định và khả năng tiếng Anh được đánh giá thông qua phỏng vấn tại Hội đồng xét tuyển đầu vào.
- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Các yêu cầu khác quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh.

2.8 Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 200.000 đồng/ người dự tuyển/ hồ sơ.

2.9 Học phí dự kiến với nghiên cứu sinh; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Học phí đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh được thu theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

Lộ trình tăng học phí các năm tiếp theo tối đa không quá 10% so với năm liền kề.

2.10 Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro:

Hội đồng tuyển sinh nhận đơn khiếu nại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố điểm và có phản hồi chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Cán bộ kê khai

ĐT: 0915447247 (ThS. Hồ Xuân Nguyên)

Email: ttdt@pasteurhcm.edu.vn

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Vũ Thượng

Phụ lục 1:
DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ DỊCH TỄ HỌC

Ngành tuyển sinh (mã số)	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành đúng	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 (ThS, BSNT, BS CKII) không phải hoàn thiện học phần bổ sung thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 (ThS, BSNT, BS CKII) cần hoàn thiện học phần bổ sung thạc sĩ	
				Ngành tốt nghiệp Bậc 7	Học phần bổ sung thạc sĩ hoàn thiện sau trúng tuyển
Dịch tễ học (9720117)	Y học	Dịch tễ học	Dịch tễ học; Y học dự phòng	- Khoa học Y sinh - Gây mê hồi sức - Hồi sức cấp cứu và chống độc - Ngoại khoa - Sản phụ khoa - Nhi khoa - Nội khoa - Ung thư - Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới - Điện quang và Y học hạt nhân - Y học cổ truyền - Dược lý và độc chất - Răng Hàm mặt - Y tế công cộng - Tai- mũi- họng - Mắt (nhãn khoa) - Khoa học thần kinh	- 02 học phần bắt buộc: + Dịch tễ học cơ bản; + Thống kê Y học. - 02 trong 04 học phần tự chọn: + Dịch tễ học ứng dụng; + Thiết kế và phân tích thống kê cho nghiên cứu khoa học; + Nghiên cứu định tính; + Y học chứng cứ.

Phụ lục 2:
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

94